TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 05-3-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh;

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Ấp T, xã P, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đặng Thị L (Đặng Kim L), sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị L đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Văn T:

Ngày 03-9-2010 âm lịch, chị L có hỏi vay của anh T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương số tiền 400.000 đồng/tháng) và hứa khoảng 03-04 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ gốc và lãi, nhưng đến nay chị L vẫn

chưa trả cho anh T số tiền nào, tạm tính từ ngày 03-9-2010 âm lịch đến ngày 03-6-2019 âm lịch thì chị L còn nợ số tiền lãi là 400.000 đồng x 105 tháng = 42.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 62.000.000 đồng.

Ngày 03-10-2012 âm lịch, chị L có hỏi vay của anh T số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương số tiền 700.000 đồng/tháng) và hứa khoảng 02 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ gốc và lãi, nhưng đến nay chị L vẫn chưa trả cho anh T số tiền nào, tạm tính từ ngày 03-10-2012 âm lịch đến ngày 03-6-2019 âm lịch thì chị L còn nợ số tiền lãi là 700.000 đồng x 80 tháng = 56.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 91.000.000 đồng.

Ngày 03-5-2013 âm lịch, chị L có hỏi vay của anh T số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương số tiền 1.300.000 đồng/tháng) và hứa khoảng 02 tháng sau sẽ trả lại toàn bộ gốc và lãi, nhưng đến nay chị L vẫn chưa trả cho anh T số tiền nào, tạm tính từ ngày 03-5-2013 âm lịch đến ngày 03-6-2019 âm lịch thì chị L còn nợ số tiền lãi là 1.300.000 đồng x 73 tháng = 94.900.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 159.900.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay số tiền gốc là 120.000.000 đồng, lãi là 192.900.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.900.000 đồng.

Khi khởi kiện anh T yêu cầu chị L trả cho anh T số tiền nợ vay gốc là 120.000.000 đồng, lãi là 192.900.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.900.000 đồng, không yêu cầu tiếp tục tính lãi nữa.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh T chỉ yêu cầu chị L trả cho anh T số tiền nợ vay gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Anh T thừa nhận trước đây anh T có mua số đề giùm cho chị L, giữa anh T và chị L đã thanh toán hết, chị L chỉ còn nợ lại anh T 1.200.000 đồng tiền mua số đề nhưng cũng đã qua lâu rồi, anh T bỏ không tính tới còn tiền chị L vay của anh T có lập biên nhận hẳn hoi là số tiền khác, không dính dáng gì đến tiền số đề.

Ngoài ra anh T không yêu cầu chồng chị L (đã chết) liên đới có nghĩa vụ cùng trả nợ vay với chị L.

Lời trình bày của bị đơn Đặng Thị L:

Chị L thừa nhận có ký tên vào các biên nhận vay tiền (03 biên nhận) ngày 03-9-2010 âm lịch số tiền 20.000.000 đồng, ngày 03-10-2012 âm lịch số tiền 35.000.000 đồng, ngày 03-5-2013 âm lịch số tiền 65.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng như anh T trình bày, các biên nhận do chị L ký tên và ghi họ tên Đặng Kim L, Đặng Thị Kim L, nội dung biên nhận nợ là vay tiền để mua thức ăn cho vịt, vì thời điểm đó chị L có nuôi trên 1.000 con vịt đẻ. Nhưng chị L cho rằng chị L ký tên nhận nợ do trước đây chị L có thiếu tiền số đề của anh T số tiền gốc là 1.200.000 đồng và anh T kê lãi lên làm biên nhận, do sợ chồng chị L biết và do anh T ép buộc nên chị L mới ký nhận nợ chứ thực sự chị L không có nhận được số tiền thực tế như trong các biên nhận vay. Chị L chỉ có thiếu anh T số tiền 1.200.000 đồng mua số đề nhưng sau khi chị L trúng số chị L đã khấu trừ lại cả tiền gốc và

tiền lãi cho anh T là 20.000.000 đồng hết rồi, hiện nay chị L không còn thiếu anh T số tiền nào hết. Chị L không có vay của anh T số tiền như anh T trình bày nên chị L không đồng ý với yêu cầu của anh T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tại phiên tòa nguyên đơn là anh T chỉ yêu cầu đòi lại tài sản đã cho chị L vay, xét việc thay đổi yêu cầu của anh T không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận việc thay đổi và xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản đã cho vay.

Yêu cầu của anh T là có căn cứ do chị L thừa nhận có ký tên vào các biên nhận nợ, việc chị L cho rằng anh T ép buộc chị L ký tên vào các biên nhận nợ thì không có chứng cứ gì chứng minh.

Từ những phân tích trên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T, buộc bị đơn Đặng Thị L (Đặng Kim L) trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền 120.000.000 đồng.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 23-7-2019, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 06-8-2019 là đúng quy định tại các điều 5, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn không thừa nhận nợ nên hợp đồng vay tiền đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng các đương sự cũng không yêu cầu áp dụng thời hiệu, người khởi kiện chỉ yêu cầu đòi lại số tiền vốn 120.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định lại thành "Tranh chấp đòi lại tài sản".

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chị Đặng Thị L trả tiền nợ vay và xuất trình được 03 biên nhận vay cụ thể như sau: Biên nhận ngày 03-9-2010 âm lịch, số tiền 20.000.000 đồng; Biên nhận ngày 03-10-2012 âm

lịch, số tiền 35.000.000 đồng; Biên nhận ngày 03-5-2013 âm lịch, số tiền 65.000.000 đồng. Trong các biên nhận vay đều thỏa thuận việc trả nợ là từ 02-04 tháng sau ngày lập biên nhận nhưng sau khi vay thì chị L không trả cho anh T cả tiền nợ lãi và gốc nên anh T khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi đến khi khởi kiện là 192.900.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 312.900.000 đồng. Nhưng tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa thì anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh T không yêu cầu chị L trả tiền lãi nữa mà chỉ yêu cầu trả số tiền nợ vay gốc là 120.000.000 đồng. Chị L thừa nhận có ký tên vào các biên nhận nợ như nêu trên nhưng không đồng ý với yêu cầu của anh T vì cho rằng số tiền đó không phải tiền chị L vay mà là tiền mua số đề chị L nợ anh T số tiền gốc là 1.200.000 đồng và anh T kê lãi lên làm biên nhận, do sợ chồng chị L biết và do anh T ép buộc nên chị L mới ký nhận nợ. Qua trình bày và yêu cầu của chị L thì Tòa án đã có văn bản yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng xác minh làm rõ hành vi mua bán số đề giữa chị L và anh T, sau khi xác minh thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng xác định đây là vụ việc tranh chấp theo hợp đồng vay tài sản, không có căn cứ để xem xét xử lý hình sự. Từ đó chứng tỏ lý lẽ do chị L nại ra là không có chứng cứ gì chứng minh và yêu cầu của anh T là có căn cứ chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc chị L trả cho anh T số tiền 120.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*", trong vụ án này bị đơn Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng nên phải chịu 6.000.000 đồng án phí; Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.822.500 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008194 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Buộc chị Đặng Thị L (Đặng Kim L) có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị L phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T 7.822.500 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2017/0008194 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05-3-2020).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu